

Bản án số: 108/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 7- 2018

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/3/2018, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị S (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 29 tháng 11 năm 2010. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau về mặt kinh tế nên vợ chồng xảy ra cãi

mắng lẫn nhau, tình cảm ngày càng thờ ơ lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị S và anh C đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có nên Chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị S khai: Chị và anh Nguyễn Văn C có hai con chung tên Nguyễn Nam K sinh ngày 17 tháng 4 năm 2012 và Nguyễn Thị Bảo N sinh ngày 23 tháng 8 năm 2016. Hiện nay con chung tên Nguyễn Nam K đang ở cùng với anh C, con chung tên Nguyễn Thị Bảo N đang ở cùng với Chị S. Trường hợp ly hôn, Chị S yêu cầu được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị S khai: Chị và anh Nguyễn Văn C không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C thừa nhận lời khai của Chị S về thời gian, điều kiện và hình thức kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo anh C là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã mắng lẫn nhau. Do mâu thuẫn, Chị S bỏ về quê ngoại ở từ tháng 02 năm 2018, anh C nhiều lần tìm gọi nhưng Chị S không về. Nay Chị S xin ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn C khai: Anh và chị Nguyễn Thị S có hai con chung tên Nguyễn Nam K sinh ngày 17 tháng 4 năm 2012 và Nguyễn Thị Bảo N sinh ngày 23 tháng 8 năm 2016. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn C khai: Anh và chị Nguyễn Thị S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu điều tra thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị S và anh C được ly hôn. Về con

chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn C có hai con chung tên Nguyễn Nam K, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2012 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2016. Đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu điều tra xác minh hiện trạng nuôi con, khả năng, điều kiện nuôi con của mỗi bên, và căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nam K và giao cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bảo N cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn C được xác lập năm 2010 là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Tài liệu điều tra xác minh thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, sinh hoạt dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã xung đột lẫn nhau. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa Chị S và anh C đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho Chị S và anh C được ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung tên Nguyễn Nam K sinh ngày 17 tháng 4 năm 2012 và Nguyễn Thị Bảo N sinh ngày 23 tháng 8 năm 2016. Khi ly hôn, Chị S có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo Ngọc, anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, anh C và Chị S đều có công việc và thu nhập ổn định nên đều có khả năng và điều kiện nuôi con. Con chung là Nguyễn Nam K đang ăn ở ổn định cùng với anh C, con chung là Nguyễn Thị Bảo N hiện dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng với Chị S. Vì vậy, giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nam K sinh ngày 17 tháng 4 năm 2012 và giao cho Chị S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bảo N sinh ngày 23 tháng 8 năm 2016 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn C thống nhất khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nam K, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2012. Giao cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2016 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng Chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008868 ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã K; H. T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chương

Trần Đình Diệu

Lương Ngọc Anh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 31 tháng 7 năm 2018

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương

2. Ông Trần Đình Diệu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về “Ly hôn” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị S sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 2, xã Cao Nhân, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn C sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về nội dung:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Nam Khánh sinh ngày 17 tháng 4 năm 2012 và giao cho Chị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Bảo Ngọc sinh ngày 23 tháng 8 năm 2016 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng Chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ 00 phút, ngày 31 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chương

Trần Đình Diệu

Lương Ngọc Anh